

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày 12 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan T Bảo và ông Trần Trọng Sơn

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn T Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: ông Mai Anh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2018/TLST-HS ngày 08/01/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 19/01/2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1986; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn phổ thông: không biết chữ; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Phạm Thị X; có vợ là Hoàng Thị Cẩm Th và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 04/11/2017 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Thị T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 1986; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn phổ thông: lớp 01/12; con ông Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị T1; có chồng là Nguyễn Văn L và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 04/11/2017 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1967; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn phổ thông: không biết chữ; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị O; có chồng là Nguyễn Văn T2 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 04/11/2017 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Thị Ng, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1979; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ

thông: lớp 01/12; con ông Phạm Quang Q và bà Nguyễn Thị N2; có chồng là Trần Anh T3 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 24/12/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong hình phạt và đã đương nhiên xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 04/11/2017 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Văn T4

Trú tại: tổ dân phố T, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị Cẩm Th

Trú tại: tổ dân phố T, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 31/10/2017, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Ch và Phạm Thị Ng đến nhà của Nguyễn Văn N ở tổ dân phố T, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình chơi. Ngồi chơi được một lúc thì N rủ T, Ch và Ng cùng đánh bài bằng hình thức “Phỏm” được thua bằng tiền, tất cả đồng ý. N nhờ vợ là Hoàng Thị Cẩm T đi mua 02 bộ bài Tú lơ khơ, 01 lốc sữa và 01 lốc nước ngọt. Sau đó cả nhóm lấy trong nhà của N 01 chiếc chiếu và 01 chiếc chăn trải ra phòng khách để đánh bạc, đồng thời thống nhất hình thức đánh bài và tỷ lệ ăn thua như sau: trong mỗi ván mỗi người được chia 09 quân bài, riêng người chia được chia 10 quân và được đánh đầu tiên, phần bài còn lại thì để ra giữa chiếu để đến phiên người nào đánh thì người đó bốc. Sau khi bốn người bốc và đánh xuống đủ 4 quân bài thì tất cả hạ bài để phân thắng thua bằng cách tính điểm. Người thắng là người có “Phỏm” và thấp điểm nhất (“Phỏm” là 3 quân bài trở lên giống nhau hoặc liên tiếp nhau, ví dụ “7,7,7” hoặc “7,8,9”), những người khác xếp theo thứ tự điểm cao dần, nếu có người bằng điểm nhau thì tính theo vòng ai hạ bài trước thì người đó thắng. Người thắng cược được hưởng số tiền của ba người còn lại nộp trong ván đó theo thứ tự: người thứ hai đóng 20.000 đồng, người thứ ba đóng 40.000 đồng, người cuối cùng đóng 60.000 đồng; nếu người nào không có “Phỏm” (gọi là “Cháy”) thì phải nộp 80.000 đồng; ván bài nào có người có 3 “Phỏm”, 2 “Phỏm” hoặc 1 “Phỏm” đủ 09 quân bài (gọi là “Ù”) thì người đó thắng và những người còn lại đều phải nộp 100.000 đồng; người nào bị ăn quân bài “chốt hạ” (tức là quân bài cuối cùng đánh xuống) thì phải đóng cho người ăn chốt 80.000 đồng. Ngoài ra, cả nhóm thống nhất ván nào có người “Ù” thì tự giác bỏ riềng ra trên chiếu bạc 10.000 đồng để trả tiền mua bài, sữa và nước ngọt trước đó phục vụ đánh bạc. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày thì Nguyễn Văn T4 đến xem cả nhóm đánh bạc. Một lúc sau thì bị lực lượng Công an thị xã B đến bắt quả tang. Tang vật thu giữ được gồm: tiền Việt Nam 12.170.000 đồng, trong đó thu tại chiếu bạc là 10.370.000 đồng, thu trong người của Nguyễn Thị Ch là 1.800.000 đồng, Ch khai số tiền này sử dụng vào mục đích đánh bạc; 02 bộ bài Tú lơ khơ, 01 cái chiếu nhựa và 01 chiếc chăn là công cụ để cả nhóm đánh bạc.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 08 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Ch, Phạm Thị Ng về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm h, p, n khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 – 12 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 phạt bị cáo Hoàng Thị T và bị cáo Nguyễn Thị Ch mỗi bị cáo từ 06 – 09 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 phạt bị cáo Phạm Thị Ng từ 06 – 09 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị Ng từ 5.000.000 đồng – 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước số tiền 12.170.000 đồng các bị cáo sử dụng để đánh bạc và tịch thu, tiêu hủy 02 bộ bài Tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu và 01 chiếc chăn là các công cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Ch, Phạm Thị Ng đều nhất trí tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ trong vụ án, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn N, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Ch, Phạm Thị Ng đều thống nhất khai nhận: khoảng 14 giờ 30 phút ngày 31/10/2017, khi đang ngồi chơi tại nhà của Nguyễn Văn N thì N đề xướng việc đánh bạc bằng hình thức đánh “Phỏm” để ăn tiền, T, Ch và Ng đều nhất trí và cả nhóm cùng nhau đánh bạc đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an thị xã B bắt quả tang và thu giữ 12.170.000 đồng là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc. Xét thấy diễn biến hành vi phạm tội các bị cáo khai nhận phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 31/10/2017, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: các bị cáo Nguyễn Văn N, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Ch, Phạm Thị Ng đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy: Hành vi của các bị cáo đã gây nguy hại đến xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống văn minh của địa phương;

gây ảnh hưởng xấu đến đời sống lành mạnh của cộng đồng dân cư. Vì vậy, cần áp dụng các quy định của pháp luật để xử phạt nghiêm đối với các bị cáo nhằm giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho các bị cáo và răn đe chung đối với xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo N, T, Ch mới chỉ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; riêng bị cáo Nguyễn Văn N là người khuyết tật và có mẹ là người có công với nước được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm p, h, n khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 cần áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo mức độ và điều kiện mà mỗi bị cáo được hưởng.

[3] Trong vụ án này, N là người đã chủ động đề xướng việc đánh bạc cũng như chuẩn bị các công cụ như chẵn, chiếu, nhờ vợ mình đi mua bài, nước để phục vụ cho việc đánh bạc nên N phải chịu hình phạt nặng hơn các bị cáo khác. Đối với các bị cáo T, Ch, Ng khi nghe N rủ rê không những không khuyên can mà còn nhiệt tình hưởng ứng việc đánh bạc nên cũng phải chịu trách nhiệm sau N phù hợp với mức độ hành vi của mình. Trong đó, bị cáo Ng trước đây đã một lần phạm tội đánh bạc bị xử phạt 6 tháng cải tạo không giam giữ và mới được xóa án tích một thời gian ngắn thì lại tiếp tục vi phạm nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn hai bị cáo còn lại là phù hợp. Ngoài hình phạt chính cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999 đối với bị cáo Ng mới đủ sức răn đe với bị cáo.

Qua xem xét, Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi của các bị cáo tuy đã gây nguy hại đến xã hội nhưng mức độ ít nghiêm trọng, các bị cáo đã nhận thức được sự sai trái của mình để khắc phục, sửa chữa; trong các bị cáo thì N, T, Ch đều có nhân thân tốt; các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên nghĩ chưa cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 31 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ cho các bị cáo được giáo dục, cải tạo tại địa phương dưới sự quản lý, giám sát của gia đình và chính quyền địa phương là cũng đủ nghiêm. Khi quyết định hình phạt cần quy đổi thời gian các bị cáo bị bắt tạm giữ trước đây để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn cho các bị cáo việc khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt là hợp lý.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã B, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, việc bắt quả tang hành vi phạm tội của các bị cáo, thu giữ các tang vật của vụ án và các hành vi, quyết định tố tụng khác của Điều tra viên đều được thực hiện đúng pháp luật. Việc truy tố của Viện kiểm sát là đúng thẩm quyền, tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

[5] Về vật chứng vụ án: Cơ quan Điều tra đã tiến hành thu giữ các vật chứng bao gồm: tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 12.170.000 đồng; 02 bộ bài Tú lơ khơ, 01 cái chiếu nhựa và 01 chiếc chẵn. Quá trình điều tra đã xác định được, số tiền 12.170.000 đồng này là số tiền sử dụng cho việc đánh bạc, 02 bộ bài Tú lơ khơ, chiếu và chẵn là công cụ để các bị cáo đánh bạc nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999, điểm a

khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 12.170.000 đồng và tịch thu, tiêu hủy 02 bộ bài Tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu và 01 chiếc chăn nói trên.

[6] Về án phí: các bị cáo Nguyễn Văn N, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Ch, Phạm Thị Ng phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn N, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Ch, Phạm Thị Ng phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm h, p, n Khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự 1999: Phạt bị cáo Nguyễn Văn N 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ trước đây là 03 (Ba) ngày (từ ngày 01/11/2017 đến ngày 04/11/2017) được quy đổi thành 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ; hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 09 (Chín) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm h, p Khoản 1 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự 1999:

+ Phạt bị cáo Hoàng Thị T 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ trước đây là 03 (Ba) ngày (từ ngày 01/11/2017 đến ngày 04/11/2017) được quy đổi thành 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ; hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 05 (Năm) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Phạt bị cáo Nguyễn Thị Ch 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ trước đây là 03 (Ba) ngày (từ ngày 01/11/2017 đến ngày 04/11/2017) được quy đổi thành 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ; hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 05 (Năm) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự 1999: Phạt bị cáo Phạm Thị Ng 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ trước đây là 03 (Ba) ngày (từ ngày 01/11/2017 đến ngày 04/11/2017) được quy đổi thành 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ; hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 (Tám) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Ng số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo: Nguyễn Văn N, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Ch, Phạm Thị Ng cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Không khấu trừ một phần thu nhập trong thời chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Văn N, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Ch, Phạm Thị Ng.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước số tiền 12.170.000 đồng (Mười hai triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Tịch thu, tiêu hủy 02 bộ bài Tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu và 01 chiếc chăn (các vật chứng nêu trên có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B ngày 01/02/2018).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: buộc các bị cáo Nguyễn Văn N, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Ch, Phạm Thị Ng phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Công an thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu